

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2019/DS-ST
Ngày: 24 – 12 – 2019
V/v Tranh chấp về “*hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thị Ngọc Mỹ

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Sơn Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2019/TLST-DS, ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 495/2019/QĐST-DS ngày 18/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Ng (Bành Ng Hồng), sinh năm 1932;
 2. Bà Vũ Thị V, sinh năm 1946
- Cùng cư trú: Tổ 07, ấp Mỹ Ph, xã Mỹ Đ, huyện CP, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Bành Nguơn D, sinh năm 1975;
 2. Bà Trương Thị Loan Ch, sinh năm 1976
- Cùng cư trú: Tổ 07, ấp Mỹ Ph, xã Mỹ Đ, huyện CP, tỉnh An Giang.
Ông Ng, bà V có mặt tại phiên tòa; ông D, bà Ch vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2019 và lời khai của nguyên đơn ông Lê Ng và bà Vũ Thị V trình bày: Ngày 12-12-2018, vợ chồng ông bà có cho vợ chồng ông D bà Ch vay 400.000.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng, lãi trả hàng tháng, thời hạn vay 01 năm, có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi vay, ông D bà Ch trả lãi được 03 tháng thì ngưng đóng lãi, mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu trả lãi đúng thỏa thuận nhưng ông D bà Ch vẫn không thực hiện. Nay vợ chồng ông yêu cầu ông D bà Ch trả tiền vốn vay và lãi theo thỏa thuận từ tháng 3 năm 2019 đến nay.

Bản tự khai ngày 07/10/2019 và lời khai của bị đơn ông Bành Nguon D và bà Trương Thị Loan Ch trình bày: Vợ chồng ông có vay của ông Ng bà V số tiền 400.000.000 đồng, có lãi suất, thời hạn trả và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng ông có trả lãi được 03 tháng thì ngưng với lý do ông Ng tranh chấp thừa kế với ông Bành Nguon T mà thửa đất này ông mua lại từ ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho ông Ng. Vợ chồng ông đồng ý trả tiền cho ông Ng bà V nhưng trả dần.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả tiền vay 400.000.000, yêu cầu tính lãi quá hạn theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Bành Nguon D và bà Trương Thị Loan Ch có địa chỉ thường trú tại ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đ, huyện CP, tỉnh An Giang. Ng đơn ông Lê Ng, bà Vũ Thị V khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ng đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà Ch có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ vay và giao dịch thực hiện năm 2018 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên xác định quan hệ pháp là hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Bành Nguon D và bà Trương Thị Loan Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà Ch.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Nguyên và bị đơn thống nhất bị đơn có vay của Ng đơn 400.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, trả lãi vào ngày 14 hàng tháng, thời hạn vay 01 năm, có thể chấp cho nguyên đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Sau khi vay, bị đơn có trả lãi được 03 tháng thì không tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn với lý do nguyên đơn tranh chấp chia thừa kế có liên quan đến đất của bị đơn. Do bị đơn không trả lãi đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả vốn và lãi là đúng quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2.2] Hợp đồng vay hai bên thỏa thuận bị đơn trả lãi vào ngày 14 hàng tháng nhưng bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận trả lãi được ghi nhận trên hợp đồng vay mượn tiền ngày 12/12/2018 là vi phạm thỏa thuận của các bên. Do đó, vợ chồng ông Ng bà V yêu cầu vợ chồng ông D bà Ch trả vốn vay 400.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với lãi suất, tại phiên tòa ông Ng, bà V yêu cầu tính lãi quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày ông D, bà Ch ngưng không đóng lãi (12/3/2019) đến nay. Xét, yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 12/3/2019 đến nay là không có cơ sở, bởi lẽ theo hợp đồng vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm (12 tháng), nên căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự thì Hội đồng xét xử tính lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả. Nguyên đơn xác định đã nhận lãi của bị đơn được 03 tháng, tức là từ 12/01/2019 đến 12/3/2019 thì ngưng đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, đơn khởi kiện, biên bản hòa giải nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng (1%/tháng) đến ngày xét xử. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi suất, yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 12/3/2019 đến nay là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu không có lợi cho bị đơn và không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận, chỉ chấp nhận tính lãi từ ngày 12/3/2019 đến ngày 24/12/2019 (ngày xét xử) theo lãi suất thỏa thuận là 1%. $400.000.000 \times 1\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} = 37.600.000\text{đ}$. Tổng cộng vốn và lãi ông D bà Ch có trách nhiệm liên đới trả cho ông Ng bà V là 437.600.000 đồng.

[2.3] Ông D bà Ch có thể chấp cho ông Ng bà V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06628 do Sở tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 28/12/2016. Việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản, có chứng thực hoặc công chứng của cơ quan có thẩm quyền và phải đăng ký biện pháp bảo đảm nên không có giá trị pháp lý. Vì vậy, ông Ng bà V có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông D bà Ch.

3] Về án phí:

Ông D bà Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 27, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu khởi kiện của Ng đơn.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ng và bà Vũ Thị V.

Buộc ông Bành Nguơn D và bà Trương Thị Loan Ch có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Ng và Vũ Thị V vốn vay 400.000.000 đồng và lãi 37.600.000 đồng, tổng cộng 437.600.000 (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông Ng, bà V có nghĩa vụ trả lại cho ông D bà Ch 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06628 do Sở tài Ng và môi trường An Giang cấp ngày 28/12/2016.

2. Về án phí: Ông Bành Nguơn D và bà Trương Thị Loan Ch phải chịu 21.504.000đ (hai mươi một triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ